

Số: 10/2016/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng**  
**thành phố Hà Tĩnh đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị; Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành phố Hà Tĩnh đạt đô thị loại II vào năm 2018; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành phố Hà Tĩnh đạt đô thị loại II vào năm 2018, với các nội dung chủ yếu:

**1. Mục đích**

Tạo điều kiện để thành phố Hà Tĩnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đạt các tiêu chí đô thị loại II vào năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

**2. Một số cơ chế, chính sách đặc thù**

2.1. Đối với nguồn thu từ tiền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố

2.1.1. Tiền sử dụng đất ở các khu vực phải đầu tư toàn bộ hạ tầng kỹ thuật, đất các khu tái định cư, áp dụng tỷ lệ điều tiết:



a) Phát sinh trên địa bàn các xã: Ngân sách tỉnh 20% (Gồm: Quỹ phát triển đất của tỉnh 10%, ngân sách tỉnh 10%), ngân sách thành phố 30%, ngân sách xã 50%.

b) Phát sinh trên địa bàn phường: Ngân sách tỉnh 30% (Gồm: Quỹ phát triển đất của tỉnh 10%, ngân sách tỉnh 20%), ngân sách thành phố 70%.

c) Hỗ trợ lại 100% phần ngân sách tỉnh được hưởng (sau khi trừ Quỹ phát triển đất của tỉnh) cho thành phố số vượt thu so với kế hoạch của tỉnh giao thành phố thu hàng năm.

2.1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất cho các nhà đầu tư xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố: Sau khi trừ chi phí đầu tư, ngân sách tỉnh 60% (Gồm: Quỹ phát triển đất của tỉnh 20%, ngân sách tỉnh 40%), ngân sách thành phố 40%.

2.1.3. Tiền đất phát sinh từ các dự án do Trung tâm phát triển quỹ đất làm Chủ đầu tư trên địa bàn thành phố: Sau khi trừ chi phí đầu tư, ngân sách tỉnh 60% (Gồm: Quỹ phát triển đất của tỉnh 20%, ngân sách tỉnh 40%), ngân sách thành phố 40%.

2.1.4. Các lô đất bố trí tái định cư tại Quỹ đất tạo ra từ nguồn vốn vay Bộ Tài chính khi thực hiện chỉnh trang các nút giao thông trên địa bàn thành phố: Hỗ trợ lại cho thành phố 100% tiền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh được hưởng.

2.2. Thực hiện cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh để thực hiện các công trình giao thông, kênh, mương, rãnh thoát nước đối với thành phố theo cơ chế chung của tỉnh.

### **3. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

3.1. Đối với tiền sử dụng đất ở các khu vực phải đầu tư toàn bộ hạ tầng kỹ thuật, đất các khu tái định cư quy định tại tiết a, b khoản 2.1.1, thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết này.

3.2. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất cho các nhà đầu tư xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố; tiền đất phát sinh từ các dự án do Trung tâm phát triển quỹ đất làm Chủ đầu tư trên địa bàn thành phố; các lô đất bố trí tái định cư tại Quỹ đất tạo ra từ nguồn vốn vay Bộ Tài chính khi thực hiện chỉnh trang các nút giao thông trên địa bàn thành phố; số vượt thu so với kế hoạch của tỉnh giao thành phố thu hàng năm phần ngân sách tỉnh được hưởng từ tiền sử dụng đất ở các khu vực phải đầu tư toàn bộ hạ tầng kỹ thuật, đất các khu tái định cư quy định tại các khoản 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4 và tiết c khoản 2.1.1 sau khi trừ chi phí đầu tư, trích Quỹ phát triển đất của tỉnh, thực hiện cấp hỗ trợ lại cho ngân sách thành phố theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết này.

3.3. Nguồn thu được hình thành từ các cơ chế, chính sách này được sử dụng cho các nội dung liên quan đến việc hoàn thành các tiêu chí đô thị loại II của thành phố, cụ thể như sau:

a) Chi cho công tác quy hoạch;

b) Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng;



- c) Chi thanh toán các dự án công trình xây dựng cơ bản;
- d) Trả nợ ứng, vay đầu tư xây dựng cơ bản;
- đ) Chi hỗ trợ để xây dựng các hạng mục, công trình, dự án thực hiện từ nguồn huy động trong nhân dân, xã hội và nguồn lực khác.

3.4. Các khoản chi tại khoản 3.3 được thanh, quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước và được tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách quy định tại Nghị quyết này nếu khác với Nghị quyết số 136/2010/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV thì thực hiện theo Nghị quyết này.

- Thời gian thực hiện trong 03 năm, từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2018.


### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ nhất thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác Đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu. 



**Lê Đình Sơn**